

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai việc điều và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH TRƯỜNG THCS TÂN AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo quyết định số 790/QĐ-PGDĐT của Phòng giáo dục và đào tạo thị xã Quảng Yên ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc điều và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán- văn phòng trường THCS Tân An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết định số 790/QĐ-PGDĐT của Phòng giáo dục và đào tạo thị xã Quảng Yên ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc điều và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024; (Có quyết định đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Niêm yết tại Bảng công khai của nhà trường, trang web. Thời gian công khai: 30 ngày liên tục kể từ ngày 03/12/2024;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ phận tài vụ và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Nguyễn Năm Quý

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ- THCSTA ngày 03/12/2024 của trường THCS Tân An)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	-
	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
1	Chi sự nghiệp.....	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	79.707.207
I	Nguồn ngân sách trong nước	79.707.207
1	Chi quản lý hành chính	79.707.207
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	79.707.207

KẾ TOÁN


Bùi Thị Hồng Tuyên

Tân An, ngày 08 tháng 12 năm 2024
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

Nguyễn Năm Quý

Số: 790/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 02 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên
năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 7011/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt điều chỉnh và bổ sung kinh phí chi thường xuyên, nguồn không tự chủ của khối các trường học công lập thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã quản lý năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-PGDĐT ngày 29/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024 của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm, số tiền: 142.067.589 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) do một số trường học đã hết nhiệm vụ chi và điều chỉnh tăng, số tiền: 142.067.589 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) do một số trường học phát sinh tăng so với dự toán được giao đầu năm. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí không tự chủ được giao đầu năm.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Phân bổ kinh phí từ nguồn sự nghiệp giáo dục ngân sách thị xã, số tiền: 67.785.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

3. Phân bổ kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương của thị xã, số tiền: 939.608.000 đồng (Chín trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm linh tám nghìn đồng chẵn)

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

Điều 2. Giao các trường học tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục số 01

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO GIÁO VIÊN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 790/QĐ-PGDĐT ngày 02/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Điều chỉnh giảm kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên	Điều chỉnh tăng kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG					142.067.589	142.067.589
I	Khối mầm non					64.091.033	0
1	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	12	5.713.530	
2	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	12	10.083.079	
3	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	12	17.000.000	
4	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	12.000.614	
5	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	7.185.056	
6	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	12	5.329.366	
7	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	12	6.779.388	
II	Khối tiểu học					28.270.255	142.067.589
1	Trường Tiểu học Minh Thành	1025853	622	072	12		142.067.589
2	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	12	267.900	
3	Trường Tiểu học Yên Giang	1026580	622	072	12	13.062.630	
4	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	1026579	622	072	12	14.939.725	
III	Khối Trung học cơ sở					14.149.079	0
1	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	12	14.149.079	
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					35.557.222	0
1	Trường TH&THCS Hoàng Tân						
	Tiểu học	1131212	622	072	12	16.985.990	
	Trung học cơ sở	1131212	622	073	12	17.911.759	
2	Trường TH&THCS Phong Cốc						
	Trung học cơ sở	1133723	622	073	12	659.473	

Phụ lục số 02

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO GIÁO VIÊN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 790/QĐ-PGDDĐT ngày 02/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bố
1	2	3	4	5	6	7
1	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	098	12	67.785.000



Phụ lục số 03

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO GIÁO VIÊN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 790/QĐ-PP/GDDT ngày 02/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					939.608.000
II	Khối tiểu học					43.965.751
1	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	098	12	39.112.572
2	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	098	12	4.853.179
III	Khối Trung học cơ sở					678.821.324
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	098	12	45.808.864
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	098	12	60.567.286
3	Trường THCS Tiền An	1025843	622	098	12	51.771.651
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	098	12	43.793.651
5	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	098	12	20.900.511
6	Trường THCS Hà An	1027590	622	098	12	46.954.724
7	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	098	12	40.367.325
8	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	098	12	19.680.015
9	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	098	12	69.411.341
10	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	098	12	61.002.063
11	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	098	12	77.924.520
12	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	098	12	33.076.967
13	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	098	12	27.855.199
14	Trường THCS Tân An	1027591	622	098	12	79.707.207
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					216.820.925
1	Trường TH&THCS Tiền Phong					
	Tiểu học	1027578	622	098	12	20.420.776
	Trung học cơ sở	1027578	622	098	12	12.463.459
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	Tiểu học	1130336	622	098	12	82.487.574
	Trung học cơ sở	1130336	622	098	12	12.566.203
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	Tiểu học	1130337	622	098	12	28.663.850
	Trung học cơ sở	1130337	622	098	12	23.888.537
4	Trường TH&THCS Phong Cốc					
	Tiểu học	1133723	622	098	12	36.330.526
	Trung học cơ sở	1133723	622	098	12	